

Số: 679 /2013/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 25 tháng 02 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, chế độ đóng góp và chế độ miễn, giảm, chế độ hỗ trợ đối với đối tượng trong cơ sở chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 về việc: “Quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh”; Nghị định số 43/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2005 về việc: “Quy định việc đưa người nghiện ma túy, người bán dâm không có nơi cư trú nhất định vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh”; Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 về việc: “Quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng”; Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2011 về việc: “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2012/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính – Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc: “Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, chế độ đóng góp và miễn, giảm, hỗ trợ đối với đối tượng trong cơ sở chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng”;

Xét đề nghị của liên ngành Sở Tài chính - Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa tại Tờ trình liên ngành số 1992/TTr-STC-SLĐT BXH ngày 05/9/2012; ý kiến của Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 32/STP-XDVB ngày 24/01/2013 về việc: “Thẩm định dự thảo văn bản”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, chế độ đóng góp và chế độ miễn, giảm, chế độ hỗ trợ đối với đối tượng trong cơ sở chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2759/2007/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2007 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Ban hành Quy định trách nhiệm đóng góp và chế độ trợ cấp đối với người nghiện ma túy, người bán dâm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”.

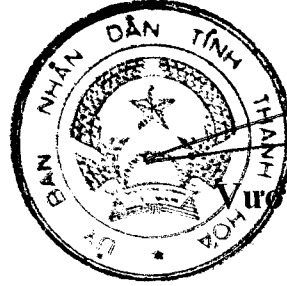
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa, Giám đốc các Sở: Lao động Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành, các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.



Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Các đồng chí PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC Thn201339(100).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Vương Văn Việt

QUY ĐỊNH

Quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, chế độ đóng góp và chế độ miễn, giảm, chế độ hỗ trợ đối với đối tượng trong cơ sở chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng

(Kèm theo Quyết định số: 619 /2013/QĐ – UBND ngày 25/02/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Mục 1

PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Quyết định này quy định đối tượng áp dụng; đối tượng, các khoản đóng góp, mức đóng góp, hỗ trợ; chế độ miễn, giảm mức đóng góp; chế độ hỗ trợ đối với đối tượng trong cơ sở chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng; nội dung, mức chi cho công tác tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng; cơ chế quản lý, sử dụng tiền đóng góp và tiền hỗ trợ cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng, tiền hỗ trợ cho đối tượng tái hòa nhập cộng đồng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức để đảm bảo việc áp dụng, chấp hành biện pháp đưa vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội (sau đây gọi là Trung tâm) do Sở Lao động, Thương binh và Xã hội quản lý; tham gia công tác tổ chức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

1. Trung tâm, các cơ quan, tổ chức sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để đảm bảo việc áp dụng, chấp hành biện pháp đưa vào Trung tâm; tham gia công tác cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.
2. Người bán dâm nghiện ma túy bị đưa vào Trung tâm để chữa trị, cai nghiện bắt buộc.
3. Người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm.
4. Người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm.
5. Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi trở lên bị bắt quả tang sử dụng trái phép chất ma túy mà không có nơi cư trú nhất định.
6. Người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng.

Mục 2

TRÁCH NHIỆM ĐÓNG GÓP.

Điều 3. Người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm hoặc gia đình của người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm có trách nhiệm đóng góp một phần tiền ăn (Trừ trường hợp được miễn, giảm theo quy định tại Điều 6, Điều 7, mục 3), mức đóng góp: 15.000,0 đồng/người/ngày.

Điều 4. Người tự nguyện vào Trung tâm chữa trị, cai nghiện phải đóng góp toàn bộ chi phí trong thời gian ở Trung tâm (trừ trường hợp được miễn, giảm theo quy định tại Điều 6, Điều 7, mục 3), gồm các khoản chi phí và mức đóng góp như sau:

Các khoản đóng góp và mức đóng góp một lần: 1.400.000,0 đồng.

Bao gồm:

a) Tiền mua sắm vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: 400.000,0 đồng.
b) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn, cấp cứu, xét nghiệm và thuốc điều trị các bệnh cơ hội khác: 650.000,0 đồng.

c) Chi phí hoạt động văn thể: 50.000,0 đồng.

d) Tiền đóng góp sửa chữa cơ sở vật chất: 300.000,0 đồng.

2. Các khoản đóng góp và mức đóng góp hàng tháng: 1.100.000,0 đồng.

Bao gồm:

a) Tiền ăn: 30.000,0 đồng/người/ngày.

b) Tiền thuốc chữa bệnh thông thường: 30.000,0 đồng/người/tháng.

c) Tiền điện, nước, vệ sinh: 70.000,0 đồng/người/tháng.

d) Tiền phục vụ, quản lý: 100.000,0 đồng/người/tháng.

3. Tiền học nghề: nếu đối tượng có nhu cầu học nghề thì đóng góp kinh phí học nghề trình độ sơ cấp nghề mức tối đa 2.000.000,0 đồng/người/khóa học.

4. Thời gian đóng góp:

a) Các khoản đóng góp theo quy định tại khoản 1, Điều 4, mục 2 trên đây đối tượng nộp một lần khi vào Trung tâm.

b) Các khoản đóng góp quy định tại khoản 2, Điều 4, mục 2 trên đây, đối tượng nộp trước số tiền cho 6 tháng khi vào Trung tâm, từ tháng thứ 7 trở đi nộp hàng tháng vào cuối tháng trước đó.

Điều 5. Người cai nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng.

Đối với người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng, kể cả những người thuộc diện áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính giáo dục tại xã phường, thị trấn đều phải có trách nhiệm đóng góp chi phí tổ chức cai nghiện, chữa bệnh tại gia đình và cộng đồng. Mức thu do UBND xã, phường, thị trấn đề nghị HĐND cùng cấp quyết định trên nguyên tắc đảm bảo đủ chi phí, phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương nhưng không thấp hơn mức:

1. Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện, cấp cứu, chi phí xét nghiệm chất ma túy: mức 400.000,0 đồng/người.

2. Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung: mức 40.000,0 đồng/người/ ngày. Thời gian tối đa không quá 15 ngày.

Mục 3

CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM MỨC ĐÓNG GÓP.

Điều 6. Chế độ miễn đóng góp.

1. Đối tượng được miễn đóng góp:

- a) Thương binh thương tật từ 21,0% trở lên. Bệnh binh MSLĐ từ 41% trở lên.
- b) Con liệt sỹ; con thương binh có tỷ lệ thương tật từ 21,0% trở lên; con bệnh binh có tỷ lệ thương tật từ 41,0% trở lên.
- c) Người thuộc hộ nghèo; người chưa thành niên.
- d) Người lang thang không có nơi cư trú nhất định, bản thân không có điều kiện đóng góp hoặc không xác định được thân nhân.
- đ) Người già cô đơn, người sống độc thân không nơi nương tựa.
- e) Người bị nhiễm HIV/AIDS không còn khả năng lao động.

2. Chế độ miễn đóng góp:

- a) Người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 6 được miễn đóng góp tiền ăn trong thời gian chấp hành Quyết định.
- b) Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện lần đầu tại Trung tâm thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 6 được miễn đóng góp tiền ăn trong thời gian chấp hành Quyết định.

Điều 7. Chế độ giảm mức đóng góp.

1. Đối tượng được giảm mức đóng góp: Người thuộc hộ cận nghèo.
2. Chế độ giảm mức đóng góp:
 - a) Người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 7 được giảm 50,0% đóng góp tiền ăn trong thời gian chấp hành Quyết định.
 - b) Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện lần đầu tại Trung tâm thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 7 được giảm 50,0% mức đóng góp theo quy định.

Điều 8. Hồ sơ xét miễn, giảm mức đóng góp.

1. Những đối tượng chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm thuộc diện được miễn, giảm theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, mục 3 trên đây phải có hồ sơ đề nghị Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội xem xét quyết định miễn hoặc giảm mức đóng góp.

Hồ sơ gồm: Hồ sơ áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc tại Trung tâm của Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố (Nếu là người tự nguyện thì có đơn tự nguyện xin vào chữa bệnh, cai nghiện tại Trung tâm có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn, Quyết định tiếp nhận của Giám đốc Trung tâm), kèm theo bản công chứng các giấy tờ chứng nhận đối tượng thuộc diện được miễn, giảm mức đóng góp.

2. Những đối tượng cai nghiện tại cộng đồng và gia đình thuộc diện được hỗ trợ kinh phí lần đầu theo quy định tại Điều 11, Mục 5 thì lập hồ sơ báo cáo Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố xem xét quyết định.

Mục 4

CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ, MỨC HỖ TRỢ.

Điều 9. Người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm (Kể cả người chưa thành niên) và người không có nơi cư trú nhất định vào lưu trú tạm thời tại Trung tâm được hỗ trợ các khoản sau:

1. Tiền ăn:

a) Hỗ trợ một phần tiền ăn, mức 15.000,0 đồng/người/ngày trong thời gian chấp hành quyết định.

b) Hỗ trợ toàn bộ tiền ăn, mức 30.000,0 đồng/người/ngày trong thời gian chấp hành quyết định đối với người thuộc đối tượng được miễn đóng góp tiền ăn theo quy định tại khoản 1, Điều 6, mục 3.

2. Tiền điều trị:

a) Đối với người nghiện ma túy được hỗ trợ thuốc điều trị cắt cơn nghiện, cấp cứu, chi phí xét nghiệm và thuốc điều trị các bệnh cơ hội khác: Mức 650.000,0 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

b) Trường hợp người bán dâm đồng thời là người nghiện ma túy thì được hỗ trợ thuốc điều trị và thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện: Mức 950.000,0 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

c) Trong thời gian chấp hành quyết định hoặc lưu trú tạm thời tại Trung tâm, người bán dâm, người nghiện ma túy bị thương do tai nạn lao động được sơ cứu, cấp cứu kịp thời cho đến khi ổn định thương tật. Trường hợp bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo vượt quá khả năng chữa trị của Trung tâm phải chuyển đến bệnh viện của nhà nước điều trị thì chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong thời gian điều trị do bản thân hoặc gia đình người đó tự thanh toán trừ những trường hợp sau:

- Đối với đối tượng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người lưu trú tạm thời, người không còn thân nhân được Trung tâm hỗ trợ toàn bộ chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

- Đối với đối tượng thuộc hộ cận nghèo được Trung tâm hỗ trợ 50,0% chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

Trường hợp đối tượng có thẻ bảo hiểm y tế còn thời hạn sử dụng được khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Luật bảo hiểm y tế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật bảo hiểm y tế.

3. Mua sắm vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: mức 400.000,0 đồng/người/năm hoặc lần chấp hành quyết định đối với đối tượng thời gian chấp hành Quyết định dưới 01 năm.

Riêng đối với người lưu trú tạm thời, trong thời gian lưu trú tại Trung tâm được sử dụng quần áo, chăn, màn của cá nhân hoặc mượn của Trung tâm.

4. Chi phí hoạt động văn thể: mức 50.000,0 đồng/người/năm hoặc lần chấp hành quyết định đối với đối tượng thời gian chấp hành Quyết định dưới 01 năm.

5. Tiền học văn hóa và giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách:

Theo quy định của Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BLĐT BXH-BGD&ĐT-BYT ngày 18/01/2006 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội - Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Y tế hướng dẫn công tác dạy văn hóa, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách cho người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy.

6. Chi phí học nghề: Người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm, nếu chưa qua đào tạo nghề, có nhu cầu học nghề được hỗ trợ kinh phí học nghề trình độ sơ cấp nghề mức tối đa là 2.000.000,0 đồng/người/ khóa học. Mức hỗ trợ cụ thể theo từng nghề và thời gian học nghề thực tế; không hỗ trợ tiền học nghề cho những đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm từ lần thứ hai trở đi.

7. Tiền vệ sinh phụ nữ: mức 20.000,0 đồng/người/tháng.

8. Chi phí điện, nước sinh hoạt: 70.000,0 đồng/người/tháng.

9. Hỗ trợ tiền tàu xe, tiền ăn đường: Người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm sau khi chấp hành xong quyết định được trở về cộng đồng, trường hợp gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bản thân không có thu nhập từ kết quả lao động tại Trung tâm và địa chỉ nơi cư trú đã xác định rõ ràng thì khi trở về nơi cư trú được trợ cấp các khoản sau:

a) Tiền ăn là 40.000,0 đồng/người/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 5 ngày;

b) Hỗ trợ tiền tàu xe theo giá phương tiện công cộng phổ thông.

10. Hỗ trợ kinh phí tìm việc làm:

a) Điều kiện được hỗ trợ: Người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm sau khi chấp hành xong quyết định tại Trung tâm trở về địa phương đã có nhiều tiến bộ, cam kết không tái phạm, chưa có việc làm, bản thân và gia đình khó khăn, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

b) Căn cứ đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí tìm việc làm của người chấp hành xong quyết định tại Trung tâm trở về địa phương, UBND cấp huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh xem xét, trợ cấp một lần để tự tạo việc làm, ổn định đời sống mức: 1.000.000,0 đồng/người.

c) Người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm khi chấp hành xong quyết định mà vẫn ở độ tuổi chưa thành niên thì không được hưởng khoản trợ cấp này.

11. Trợ cấp mai táng phí: Người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm đang chữa trị, cai nghiện bị chết tại Trung tâm mà không còn thân nhân hoặc thân nhân không đến kịp (Trong thời gian 24 giờ sau khi chết), hoặc chết do tai nạn lao động, Trung tâm có trách nhiệm mai táng. Mức mai táng phí là 3.000.000,0 đồng/người. Trường hợp cần trưng cầu giám định pháp y để xác nhận nguyên nhân chết, Trung tâm được thanh toán chi phí giám định pháp y theo quy định hiện hành của nhà nước.

12. Đối với người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm, người tự nguyện, người lưu trú tạm thời tại Trung tâm bị nhiễm HIV/AIDS được trợ cấp thêm tiền thuốc chữa bệnh, tiền mua sắm các vật dụng phòng chống lây

nhiễm HIV và các khoản chi hỗ trợ khác (Trừ tiền ăn, tiền thuốc chữa trị cai nghiện) theo quy định tại Quyết định số 96/2007/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc: “Quản lý, chăm sóc, tư vấn điều trị cho người nhiễm HIV và phòng lây nhiễm HIV tại các Cơ sở giáo dục, Trường giáo dưỡng, Trung tâm, Cơ sở bảo trợ xã hội, Trại giam, Trại tạm giam” và các văn bản hướng dẫn Quyết định.

Mục 5

NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC TỔ CHỨC CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG.

Điều 10. Nội dung, mức chi cho tổ công tác tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

1. Chi lập, thẩm tra hồ sơ cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; lập hồ sơ cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng: 30.000,0 đồng/hồ sơ.

2. Chi họp thẩm tra, xét duyệt hồ sơ đề nghị cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng:

a) Thành viên tham dự 50.000,0 đồng/người/buổi.

b) Chi nước uống cho người tham dự. Mức chi theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính.

3. Chi hỗ trợ cho cán bộ Tổ công tác cai nghiện ma túy (Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã Quyết định thành lập) khi tham gia công tác điều trị, quản lý, bảo vệ, tư vấn, hỗ trợ người cai nghiện như sau:

a) Chi hỗ trợ công tác quản lý: văn phòng phẩm, in hồ sơ, mua sổ sách, trang thiết bị phục vụ việc theo dõi, thống kê, lập danh sách, quản lý hồ sơ người cai nghiện ma túy. Mức chi thanh toán theo thực tế phát sinh trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi hỗ trợ cán bộ tham gia công tác điều trị, quản lý, bảo vệ người cai nghiện ma túy trong thời gian điều trị cắt cơn nghiện ma túy bắt buộc tập trung tại cộng đồng với mức 50.000,0 đồng/ người/ngày.

c) Chi hỗ trợ cho cán bộ được giao nhiệm vụ tư vấn về tâm lý, xã hội cho người cai nghiện ma túy với mức như sau:

- 50.000,0 đồng/buổi tư vấn/ người cai nghiện ma túy.

- 70.000,0 đồng/buổi tư vấn/nhóm người cai nghiện ma túy (từ hai người trở lên).

d) Chi hỗ trợ cho cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng:

- Mức hỗ trợ cụ thể là 200.000,0 đồng/tháng/1 cán bộ/1 người cai nghiện đối với xã , phường, thị trấn miền xuôi; mức 250.000,0 đồng/tháng/1 cán bộ/1 người cai nghiện đối với xã, thị trấn miền núi; mức 300.000,0 đồng/tháng/1 cán bộ/1 người cai nghiện đối với xã biên giới, xã đảo; mức 350.000 đồng/tháng/1 cán bộ/nhiều người cai nghiện.

- Mức hỗ trợ cho cán bộ phòng Lao động Thương binh và Xã hội các huyện miền xuôi là 250.000,0 đồng/tháng; các huyện miền núi và thành phố,

thị xã là 300.000,0 đồng/tháng; Chi cục phòng chống Tệ nạn xã hội là 350.000,0 đồng/tháng.

- Số lượng cán bộ được hưởng đối với xã, phường, thị trấn có 5 người cai nghiện trở xuống là 1 định suất; từ 6 đến 10 người cai nghiện là 2 định suất; trên 10 người là 3 định suất; phòng Lao động Thương binh và Xã hội từ 1-2 định suất; Chi cục từ 7-10 định suất. Hàng năm Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào kế hoạch cai nghiện của các xã, phường, thị trấn đề nghị về Sở Lao động Thương binh và Xã hội lập kế hoạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Chi phí vận chuyển người nghiện ma túy từ nơi cư trú của người nghiện đến cơ sở điều trị cắt cơn tập trung tại cộng đồng (Nếu có). Mức chi theo giá cước vận tải áp dụng tại địa phương hoặc chi phí thực tế (Nếu đơn vị tự bố trí phương tiện vận chuyển) hoặc hợp đồng thuê xe (Nếu thuê ngoài).

Điều 11. Người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng hoặc gia đình lần đầu tại cộng đồng và gia đình thuộc diện đối tượng quy định tại điều 6, điều 7, Mục 3 được hỗ trợ mức cụ thể như sau:

a) Chi phí khám sức khỏe; Tiền thuốc cắt cơn, cấp cứu, chi phí xét nghiệm chất ma túy 400.000,0 đồng/người.

b) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung: mức 40.000,0 đồng/ người/ ngày thời gian tối đa không quá 15 ngày.

Trường hợp đối tượng tái nghiện tự nguyện cai nghiện tại gia đình và cộng đồng lần thứ hai trở lên thì không được hỗ trợ, bản thân đối tượng và gia đình phải đóng góp các khoản chi phí.

Các khoản chi phí khác phục vụ cho bản thân đối tượng trong quá trình chữa bệnh cai nghiện tại cộng đồng và gia đình do đối tượng, gia đình chịu trách nhiệm đóng góp.

Mục 6

CƠ CHẾ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TIỀN ĐÓNG GÓP VÀ TIỀN HỖ TRỢ CAI NGHIỆN TẠI GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG, TIỀN HỖ TRỢ CHO ĐỐI TƯỢNG TÁI HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG.

Điều 12. Quản lý, sử dụng tiền đóng góp.

1. Đơn vị tổ chức thu tiền đóng góp phải mở sổ theo dõi chi tiết đối tượng đóng góp, đối tượng được miễn, giảm mức đóng góp; số tiền thu của từng đối tượng đóng góp.

2. Tiền thu đóng góp phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, đảm bảo công khai minh bạch.

3. Hàng tháng, quý, năm, đơn vị tổ chức thu tiền đóng góp phải công khai kết quả thu và sử dụng tiền đóng góp trước đối tượng đóng góp và trước toàn đơn vị.

Điều 13. Cơ chế quản lý kinh phí hỗ trợ cho người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện lần đầu tại gia đình và cộng đồng; trợ cấp tái hòa nhập cộng đồng.

Hàng năm UBND xã, phường, thị trấn căn cứ vào danh sách đối tượng thuộc diện được hỗ trợ, lập dự toán kinh phí từ nguồn chi đảm bảo xã hội của ngân sách địa phương; Nguồn kinh phí đề nghị cấp trên hỗ trợ lập kế hoạch báo cáo UBND huyện, thị, thành phố. UBND huyện, thị, thành phố có trách nhiệm kiểm tra, xét duyệt, lập dự toán báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, tổng hợp thống nhất với Sở Tài chính cân đối kinh phí theo cơ chế phân cấp ngân sách hiện hành.

UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm cấp phát kinh phí cho đối tượng được hỗ trợ, đồng thời thực hiện chế độ thanh quyết toán theo cơ chế phân cấp quản lý và các quy định hiện hành.

Mục 7

TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

Điều 14. Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

1. Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

a) Phối hợp với Sở Tài chính lập kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện hàng năm trình UBND tỉnh quyết định. Định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện tại các địa phương, đơn vị, báo cáo UBND tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Tài chính tổ chức hướng dẫn Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và các địa phương thực hiện, quản lý sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí đúng mục đích có hiệu quả.

2. Sở Tài chính.

a) Cân đối nguồn kinh phí hàng năm để thực hiện theo dõi cấp phát quyết toán kinh phí theo dự toán được UBND tỉnh phân bổ.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí tại các địa phương đơn vị.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, Thành phố.

a) Chỉ đạo hướng dẫn các địa phương đẩy mạnh công tác cai nghiện tại gia đình và cộng đồng và quản lý sau cai nghiện, đảm bảo cho đối tượng ổn định cuộc sống, chống tái nghiện.

b) Chỉ đạo các cơ quan chức năng tiến hành xác lập hồ sơ đưa đối tượng vào chữa bệnh, cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm theo quy định tại Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004; Nghị định 61/2011/NĐ-CP ngày 26/7/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 135/2004/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

a) nắm chắc tình hình người nghiện ma túy trên địa bàn quản lý, phân loại, xây dựng kế hoạch cai nghiện hàng năm.

b) Lập hồ sơ đề nghị UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định đưa đối tượng bắt buộc vào chữa bệnh cai nghiện tại Trung tâm và tổ chức cai nghiện tại gia đình và cộng đồng cho người nghiện ma túy theo Nghị định 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010. Những đối tượng thuộc diện miễn, giảm thì

hướng dẫn đối tượng lập hồ sơ báo cáo cấp có thẩm quyền xét miễn, giảm theo quy định.

5. Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.

Tiếp nhận và hoàn thiện thủ tục hồ sơ theo quy định đối với những đối tượng vào chữa bệnh, cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm thuộc diện miễn, giảm, báo cáo Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội xem xét quyết định làm cơ sở cho việc quyết toán kinh phí hàng năm./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Vương Văn Việt